

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CỬ NHÂN LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** LUẬT DÂN SỰ (CIVIL LAW) Mã số:
- Số tín chỉ:** 08 (Phần 1: 2 tín chỉ; Phần 2: 3 tín chỉ; Phần 3: 3 tín chỉ)
- Đối tượng:** Sinh viên ngành Luật hệ chính quy
- Phân bổ thời gian**

Tên đơn vị tín chỉ	Phân bổ số tiết			Thực hành, thực tập	Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận		
1	12	3			15
2	8	7			15
3	12	3			15
4	8	7			15
5	10	5			15
6	8	7			15
7	12	3			15
8	10	5			15

5. Điều kiện tiên quyết

Sinh viên đã hoàn thành các học phần: Luật Hiến pháp

6. Mục tiêu học phần

- Kiến thức: Học phần Luật dân sự cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của luật dân sự Việt Nam; giúp người học nắm vững những nội dung cơ bản về một số chế định của luật dân sự Việt Nam. Môn học hướng tới cung cấp những kiến thức quan trọng nhằm giúp sinh viên am hiểu pháp luật về lĩnh vực dân sự, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp của cử nhân Luật theo chuẩn đầu ra của ngành.

- Kỹ năng: Giúp người học có kỹ năng đánh giá, lý giải một cách khoa học về các quan hệ tài sản và nhân thân thuộc phạm vi điều chỉnh của luật dân sự.

- Thái độ: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, hiểu biết đúng đắn về vai trò của môn học; Quan tâm đến những thay đổi về cơ chế, chính sách dẫn đến những thay đổi về luật pháp; Đóng góp thiết thực vào việc tuyên truyền và giải thích pháp luật.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần luật dân sự gồm những kiến thức cơ bản về luật dân sự và được chia làm ba phần: phần chung và phần riêng. Phần chung gồm 5 chương, giới thiệu những vấn đề cơ bản của luật dân sự, như: khái niệm luật dân sự; quan hệ pháp luật dân sự; giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu; quyền sở hữu, quyền thừa kế. Phần riêng gồm những chế định cơ bản như nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, hứa thưởng và thi có giải, thực hiện công việc không có ủy quyền, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, chuyển quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Phần riêng được chia thành hai phần (phần 2, phần 3).

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Phải nghiên cứu tài liệu và nội dung bài học trước giờ lên lớp; chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng; chuẩn bị tài liệu, đề cương đầy đủ cho thảo luận. Sinh viên phải tham gia lớp học ít nhất 80% thời lượng của chương trình.

9. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1] PGS.TS. Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (chủ biên) (2012), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 1,2)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Đinh Văn Thanh (2002), *Giáo trình Luật Dân sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

[2] Nguyễn Mạnh Bách (1998), *Nghĩa vụ dân sự trong luật dân sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Phan Đình Khánh (1997), *Hướng dẫn soạn thảo hợp đồng dân sự theo luật dân sự: Văn bản hiện hành mới nhất – Thủ tục hành chính cần cho mọi công dân*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, Hà Nội.

[4] Ngô Văn Thâu (1996), *Các thuật ngữ cơ bản trong luật dân sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Các văn bản pháp luật liên quan.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Mô tả tiêu chuẩn: Đánh giá dựa trên mức độ đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ; Đánh giá theo hướng giúp phát triển năng lực người học và có khả năng phân loại trình độ của sinh viên.

- Quy định các hình thức kiểm tra, thi:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
<i>Chuyên cần, thái độ</i>			
1	- Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài tốt - Tích cực thảo luận	Quan sát, ghi danh...	
<i>Kiểm tra thường xuyên</i>			
2	Tự nghiên cứu: - Nội dung kiến thức 1: Nhiệm vụ của luật Dân sự; các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dân sự. - Nội dung kiến thức 2: Địa vị pháp lý và các yếu tố lý lịch của pháp nhân. - Nội dung kiến thức 3: Sơ lược quá trình phát triển pháp luật thừa kế của Việt Nam.	- Đánh giá qua bài viết, bài tập ở trên lớp - Đánh giá qua các tình huống do sinh viên xây dựng, sưu tập.	

3	<p>Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kiến thức: Quan hệ pháp luật dân sự; quyền sở hữu; quyền thừa kế. - Kỹ năng: Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. 	Trình bày báo cáo và nhóm khác đánh giá theo thang điểm	
4	<p>Bài kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 1: Những nguyên tắc của luật Dân sự; Năng lực hành vi dân sự của cá nhân. - Nội dung 2: Đại diện; chủ thể của hợp đồng dân sự. - Nội dung 3: Thừa kế theo di chúc; Thừa kế theo pháp luật. 	Kiểm tra lý thuyết Thực hành xây dựng tình huống	
<i>Các bài thi</i>			
6	Thi kết thúc học phần	Viết hoặc vấn đáp	

11. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và đào tạo.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng được mô tả ở bảng sau:

Nội dung	Chuyên cần, thái độ	Kiểm tra thường xuyên	Thi kết thúc học phần
Trọng số	5%	35%	60%

12. Nội dung chi tiết học phần

LUẬT DÂN SỰ (HỌC PHẦN 1)

CHƯƠNG 1 ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM (02LT, 01BT)

1.1 Đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự Việt Nam

1.2 Phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự

1.3 Khái niệm Luật Dân sự Việt Nam và phân biệt Luật Dân sự Việt Nam với các ngành luật khác

1.4 Hệ thống Luật Dân sự và khoa học Luật Dân sự

CHƯƠNG 2 NHIỆM VỤ, NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ NGUỒN CỦA LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM (03LT, 01BT)

2.1 Nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự Việt Nam

2.2 Nguồn của Luật Dân sự Việt Nam

2.3 Quy phạm pháp luật dân sự

2.4 Áp dụng Luật Dân sự, áp dụng tập quán và áp dụng tương tự pháp luật

CHƯƠNG 3 QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ (03LT, 02BT)

- 3.1 Khái niệm, tính chất và đặc điểm quan hệ pháp luật dân sự
 - 3.2 Các thành phần quan hệ pháp luật dân sự
 - 3.3 Phân loại quan hệ pháp luật dân sự
 - 3.4 Căn cứ làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự
- CHƯƠNG 4 CÁ NHÂN – CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ (03LT, 02BT)**
- 4.1 Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân
 - 4.2 Năng lực hành vi dân sự của cá nhân
 - 4.3 Giám hộ
- CHƯƠNG 5 PHÁP NHÂN VÀ CÁC CHỦ THỂ KHÁC CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ (03LT, 02BT)**
- 5.1 Pháp nhân – Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự
 - 5.4 Các chủ thể khác trong quan hệ dân sự
- CHƯƠNG 6 ĐẠI DIỆN (03LT, 01BT)**
- 6.1 Khái niệm và đặc điểm quan hệ đại diện
 - 6.2 Điều kiện để hình thành quan hệ đại diện và chủ thể trong quan hệ đại diện
 - 6.3 Các loại đại diện
 - 6.4 Phạm vi đại diện
 - 6.5 Chấm dứt đại diện
- CHƯƠNG 7 THỜI HẠN, THỜI HIỆU (03LT, 01BT)**
- 7.1 Thời hạn
 - 7.2 Thời hiệu
- LUẬT DÂN SỰ (HỌC PHẦN 2)**
- CHƯƠNG 1 TÀI SẢN VÀ QUYỀN SỞ HỮU (04LT, 02BT)**
- 1.1 Tài sản theo quy định của pháp luật dân sự
 - 1.2 Khái quát về sở hữu và quyền sở hữu
- CHƯƠNG 2 CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU (04LT, 02BT)**
- 2.1 Sở hữu nhà nước
 - 2.2 Sở hữu tập thể
 - 2.3 Sở hữu tư nhân
 - 2.4 Các hình thức sở hữu khác
- CHƯƠNG 3 BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU BẰNG LUẬT DÂN SỰ (05LT, 02BT)**
- 3.1 Khái niệm và đặc điểm của việc bảo vệ quyền sở hữu bằng Luật dân sự
 - 3.2 Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu bằng Luật dân sự
- CHƯƠNG 4 KHÁI LUẬN VỀ QUYỀN THỪA KẾ (04LT, 02BT)**
- 4.1 Khái niệm thừa kế, quyền thừa kế và các nguyên tắc chung
 - 4.2 Các quy định chung về quyền thừa kế
- CHƯƠNG 5 THỪA KẾ THEO DI CHỨC (04LT, 02BT)**
- 5.1 Khái niệm di chúc và thừa kế theo di chúc
 - 5.2 Các điều kiện để di chúc có hiệu lực
 - 5.3 Hiệu lực pháp luật của di chúc, di chúc vô hiệu và di chúc thất hiệu
 - 5.4 Sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc; công bố, gửi giữ và giải thích di chúc
 - 5.5 Di chúc chung của vợ chồng

5.6 Các quy định khác về thừa kế theo di chúc

CHƯƠNG 6 THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT (04LT, 02BT)

6.1 Khái niệm thừa kế theo pháp luật, những trường hợp chia thừa kế theo pháp luật

6.2 Người thừa kế theo pháp luật

6.3 Thừa kế thế vị

CHƯƠNG 7 THANH TOÁN NỢ TỪ DI SẢN, PHÂN CHIA DI SẢN (05LT, 03BT)

7.1 Hợp mặt những người thừa kế, xác định di sản thừa kế

7.2 Thanh toán nợ từ di sản

7.3 Phân chia di sản

LUẬT DÂN SỰ (HỌC PHẦN 3)

CHƯƠNG 1 NGHĨA VỤ DÂN SỰ (05LT, 02BT)

1.1 Khái niệm, đặc điểm, đối tượng và các thành phần của quan hệ nghĩa vụ dân sự

1.2 Căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự

1.3 Các loại nghĩa vụ dân sự

1.4 Thay đổi chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ dân sự

1.5 Thực hiện nghĩa vụ dân sự

1.6 Chấm dứt nghĩa vụ dân sự

CHƯƠNG 2 KHÁI LUẬN HỢP ĐỒNG DÂN SỰ (05LT, 02BT)

2.1 Khái niệm, bản chất, đặc điểm của hợp đồng

2.2 Các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng

2.3 Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu

2.4 Giao kết hợp đồng

2.5 Hiệu lực của hợp đồng, giải thích hợp đồng

2.6 Thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng

CHƯƠNG 3 CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ DÂN SỰ (05LT, 03BT)

3.1 Những quy định chung về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự

3.2 Một số biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự

CHƯƠNG 4 QUY ĐỊNH VỀ VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ (05LT, 03BT)

4.1 Trách nhiệm dân sự

4.2 Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

4.3 Chấm dứt hợp đồng do vi phạm

4.4 Trách nhiệm bồi thường thiệt hại

4.5 Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường ấn định trước

4.6 Các trường hợp không phải chịu trách nhiệm, thời hiệu khởi kiện

4.7 Thời hiệu khởi kiện về trách nhiệm dân sự trong hợp đồng

CHƯƠNG 5 CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG (05LT, 02BT)

5.1 Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

5.2 Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và các trường hợp không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại

- 5.3 Nguyên tắc bồi thường thiệt hại
- 5.4 Các loại trách nhiệm
- 5.5 Xác định thiệt hại
- 5.6 Hình thức bồi thường và phương thức bồi thường
- 5.7 Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân và xác định người được hưởng bồi thường
- 5.8 Thời hiệu khởi kiện

CHƯƠNG 6 CÁC TRƯỜNG HỢP BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CỤ THỂ (05LT, 03BT)

- 6.1 Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng
- 6.2 Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết
- 6.3 Bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra
- 6.4 Bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra
- 6.5 Bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra
- 6.6 Bồi thường thiệt hại do cán bộ công chức, người có thẩm quyền tố tụng gây ra
- 6.7 Bồi thường thiệt hại do người dưới 15 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, tổ chức khác trực quản lý
- 6.8 Bồi thường thiệt hại do người làm công, người học nghề gây ra
- 6.9 Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra
- 6.10 Bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường
- 6.11 Bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra
- 6.12 Bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra
- 6.13 Bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra
- 6.14 Bồi thường thiệt hại do xâm phạm thi thể
- 6.15 Bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả
- 6.16 Bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi người tiêu dùng.

Quảng Bình, ngày tháng năm 201

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Hoàng Dương Hùng